

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
1	142231439	Đặng Tất	Thành	K15KTR1	9			8		7			9	8.6	Tám phẩy Sáu	
2	152232800	Nguyễn Duy	Dương	K15KTR1	7			7		6			7	6.9	Sáu phẩy Chín	
3	152232810	Từ Thị Ly	Na	K15KTR1	9			8		7			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
4	152232811	Nguyễn Văn	Quý	K15KTR1	6			6		7			7.5	7.0	Bảy	
5	152232813	Trương Hoàng Quốc	Bảo	K15KTR1	7			7		7			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
6	152232819	Trần Thị Ngọc	Diễm	K15KTR1	8			8		7			9	8.4	Tám phẩy Bốn	
7	152232832	Nguyễn Minh	Dương	K15KTR1	7			7		7			9	8.1	Tám phẩy Một	
8	152232834	Phạm Ngọc	Tài	K15KTR1	6			6		5			9	7.5	Bảy phẩy Năm	
9	152232839	Đặng Công	Thọ	K15KTR1	7			7		7			8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
10	152232840	Bùi Thị	Mỹ	K15KTR1	9			8		7			8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
11	152232848	Nguyễn Lê	Cương	K15KTR1	9			8		7			8	8.0	Tám	
12	152232853	Đỗ Diệu	Hằng	K15KTR1	9			8		7			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
13	152232858	Phùng Tiểu	Phụng	K15KTR1	8			7		6			9	8.1	Tám phẩy Một	
14	152232863	Vũ Trung	Hiếu	K15KTR1	8			7		7			9	8.3	Tám phẩy Ba	
15	152232865	Nguyễn Thành	Đạt	K15KTR1	5			6		7			8	7.1	Bảy phẩy Một	
16	152232866	Dương Thị	Thủy	K15KTR1	9			8		7			9	8.6	Tám phẩy Sáu	
17	152232872	Trần Văn	Thi	K15KTR1	5			5		5			9	7.2	Bảy phẩy Hai	
18	152232874	Lê Tự Nhật	Quang	K15KTR1	7			7		7			8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
19	152232875	Võ Cảnh	Trí	K15KTR1	7			7		7			9	8.1	Tám phẩy Một	
20	152232899	Lê Duy	Thành	K15KTR1	6			6		5			7.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
21	152232906	Võ Thế	Hào	K15KTR1	8			7		6			7	7.0	Bảy	
22	152232910	Phạm Văn	Cường	K15KTR1	8			7		7			4	5.5	Năm phẩy Năm	
23	152232925	Dương Công	Định	K15KTR1	4			5		5			3	0.0	Không	
24	152232928	Hà Xuân	Bách	K15KTR1	7			7		7			4	5.4	Năm phẩy Bốn	
25	152232936	La Đức	Anh	K15KTR1	6			6		5			7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
26	152232939	Hoàng Thị Duy	Duyên	K15KTR1	9			8		7			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
27	152232954	Lê Văn	Tuấn	K15KTR1	7			7		7			8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
28	152232971	Bùi Thanh	Hải	K15KTR1	8			7		6			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
29	152232973	Trần Khánh	Linh	K15KTR1	5			5		5			2	0.0	Không	
30	152232980	Nguyễn Thị	Yến	K15KTR1	9			8		7			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
31	152232992	Trần Bá Quốc	Thắng	K15KTR1	9			8		7			9	8.6	Tám phẩy Sáu	
32	152233001	Nguyễn Thị Anh	Khôi	K15KTR1	8			7		7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
33	152233003	Hồ An Bảo	Trung	K15KTR1	9			7		6			5	6.1	Sáu phẩy Một	
34	152233005	Nguyễn Tấn	Hiền	K15KTR1	6			6		7			8.5	7.5	Bảy phẩy Năm	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
35	152233010	Văn Thị Thuý	Nga	K15KTR1	8			7		6			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
36	152233013	Lê	An	K15KTR1	9			8		7			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
37	152233018	Đặng Thanh	Bình	K15KTR1	8			7		7			8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
38	152233028	Nguyễn Văn	Lợi	K15KTR1	7			7		7			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
39	152233032	Nguyễn Thái	Hưng	K15KTR1	9			8		7			4	5.8	Năm phẩy Tám		
40	152233033	Thân Ngọc	Long	K15KTR1	6			6		6			2.5	0.0	Không		
41	152233043	Lê Thị Hồng	Nhung	K15KTR1	9			8		7			9	8.6	Tám phẩy Sáu		
42	152233046	Trần Ngọc	Điện	K15KTR1	8			7		7			4	5.5	Năm phẩy Năm		
43	152233047	Trần Thế	Vũ	K15KTR1	6			6		7			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
44	152235532	Nguyễn Đặng Tuấn	Phúc	K15KTR1	8			7		7			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
45	152235538	Nguyễn Ngọc	Rin	K15KTR1	7			7		7			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
46	152235835	Nguyễn Đắc Thanh	Tùng	K15KTR1	6			6		6			2.5	0.0	Không		
47	152236324	Nguyễn Đình	Phúc	K15KTR1	8			7		6			1.5	0.0	Không		
48	142231404	Trương Nguyễn Anh	Khoa	K15KTR2	4			5		6			4	4.5	Bốn phẩy Năm		
49	152232025	Phạm Văn	Sơn	K15KTR2	8			7		6			3	0.0	Không		
50	152232802	Phan Hữu	Minh	K15KTR2	7			7		7			2.5	0.0	Không		
51	152232805	Lê Trọng	Nghĩa	K15KTR2	6			6		6			3.5	0.0	Không		
52	152232807	Nguyễn Văn Việt	Chương	K15KTR2	6			6		6			2	0.0	Không		
53	152232816	Kiều Đình	Hoàng	K15KTR2	6			6		7			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
54	152232825	Đoàn Văn	Hiếu	K15KTR2	7			7		7			1.5	0.0	Không		
55	152232826	Trần Quang	Định	K15KTR2	8			7		6			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
56	152232828	Võ Xuân	Hưng	K15KTR2	8			7		6			7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
57	152232833	Phan Thanh	Long	K15KTR2	8			7		7			4	5.5	Năm phẩy Năm		
58	152232835	Huỳnh Bá	Duyên	K15KTR2	5			6		6			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
59	152232849	Trần Viết Lê Hoàng	Việt	K15KTR2	7			7		7			3.5	0.0	Không		
60	152232857	Huỳnh Việt	Hưng	K15KTR2	6			6		6			5	5.5	Năm phẩy Năm		
61	152232859	Lưu Nhật	Tuấn	K15KTR2	7			7		7			1	0.0	Không		
62	152232862	Ngô Đăng	Điện	K15KTR2	8			7		7			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
63	152232864	Lâm Xuân	Linh	K15KTR2	6			6		6			6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
64	152232876	Nguyễn Duy	Thành	K15KTR2	8			7		6			7	7.0	Bảy		
65	152232882	Nguyễn Bá	Khoa	K15KTR2	8			7		7			5	6.1	Sáu phẩy Một		
66	152232896	Lê	Nhật	K15KTR2	7			7		6			7.5	7.1	Bảy phẩy Một		
67	152232901	Trần Nhật	Hào	K15KTR2	8			7		6			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
68	152232913	Nguyễn Ngọc	Thuyền	K15KTR2	6			6		6			8	7.1	Bảy phẩy Một		
69	152232915	Trần Thị Mai	Li	K15KTR2	9			8		7			8.5	8.3	Tám phẩy Ba		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
70	152232921	Tô Ngọc Anh	K15KTR2	8			7		6			7	7.0	Bảy		
71	152232923	Văn Phú Huy	K15KTR2	5			5		5			5	5.0	Năm		
72	152232930	Nguyễn Việt Lộc	K15KTR2	7			7		7			8.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
73	152232934	Phạm Thị Hồng Yến	K15KTR2	8			7		6			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
74	152232951	Vũ Quyết Thắng	K15KTR2	7			7		6			5	5.8	Năm phẩy Tám		
75	152232957	Trần Duy Thanh Long	K15KTR2	9			8		6			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
76	152232961	Trần Văn Tuấn	K15KTR2	8			7		6			7	7.0	Bảy		
77	152232983	Nguyễn Ngọc Phúc	K15KTR2	9			8		7			7	7.5	Bảy phẩy Năm		
78	152232989	Lê Thị Ái Nhung	K15KTR2	8			7		7			8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
79	152232995	Nguyễn Xuân Trường	K15KTR2	7			7		5			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
80	152232996	Nguyễn Tuấn Anh	K15KTR2	9			8		6			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
81	152232998	Trần Lê Yến Phương	K15KTR2	6			6		6			9	7.7	Bảy phẩy Bảy		
82	152233004	Trần Thị Linh	K15KTR2	0			0		0			HP	0.0	Không	Nợ HP	
83	152233017	Phan Thị Ngọc Hòa	K15KTR2	9			8		6			6.5	7.0	Bảy		
84	152233023	Trần Khánh Rìn	K15KTR2	7			7		6			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
85	152233031	Võ Quang Tiến	K15KTR2	6			6		6			8.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
86	152235502	Hoàng Văn Mạnh	K15KTR2	8			7		7			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
87	152235536	Đinh Ngọc Hiền Vy	K15KTR2	8			7		7			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
88	152236325	Tô Hữu Phước	K15KTR2	8			7		7			8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
89	132234938	Phạm Văn Vãn	K15KTR3	5			7		6			8	7.1	Bảy phẩy Một		
90	142231390	Nguyễn Ngọc Duy	K15KTR3	8			7		5			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
91	152232023	Ngô Đức Rìn	K15KTR3	8			7		5			4	5.2	Năm phẩy Hai		
92	152232026	Đinh Thị Hoài	K15KTR3	8			7		7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
93	152232799	Huỳnh Thị Cẩm Nhung	K15KTR3	9			8		7			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
94	152232808	Dương Tùng	K15KTR3	8			8		7			9	8.4	Tám phẩy Bốn		
95	152232812	Trần Đức Diệt	K15KTR3	9			8		7			8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
96	152232814	Nguyễn Thành Nhân	K15KTR3	8			7		7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
97	152232817	Trương Bảo Quốc	K15KTR3	9			7		5			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
98	152232818	Lê Thị Mỹ Thuận	K15KTR3	8			8		5			7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
99	152232824	Phan Quang Vinh	K15KTR3	6			8		5			7.5	7.0	Bảy		
100	152232842	Lê Thị Thu Phượng	K15KTR3	9			7		6			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
101	152232843	Võ Hoàng Cát Tiên	K15KTR3	9			8		7			9	8.6	Tám phẩy Sáu		
102	152232850	Mai Tấn Quý	K15KTR3	8			8		6			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
103	152232852	Võ Hoàng Long	K15KTR3	8			8		7			8.5	8.1	Tám phẩy Một		
104	152232855	Trần Nguyễn Trâm Anh	K15KTR3	7			7		6			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
105	152232860	Nguyễn Ngọc Anh		K15KTR3	9			8		8			7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
106	152232861	Lê Thị Kim Phúc		K15KTR3	8			7		4			7.5	7.0	Bảy		
107	152232877	Võ Thuý Nguyên		K15KTR3	7			8		6			7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
108	152232885	Nguyễn Đức Lê Thanh Sang		K15KTR3	9			8		6			8.5	8.1	Tám phẩy Một		
109	152232889	Đào Ngọc Quang		K15KTR3	5			7		7			6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
110	152232890	Nguyễn Thị Thanh Mùi		K15KTR3	7			8		9			8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
111	152232893	Lại Trọng Nguyên		K15KTR3	8			7		7			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
112	152232898	Võ Thị Phương Thanh		K15KTR3	8			8		5			8.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
113	152232904	Lê Văn Chung		K15KTR3	8			8		5			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
114	152232907	Nguyễn Trịnh Nam		K15KTR3	9			8		7			8	8.0	Tám		
115	152232908	Nguyễn Thị Mai Phương		K15KTR3	8			8		7			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
116	152232911	Nguyễn Phước Duy		K15KTR3	6			8		7			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
117	152232916	Trần Trung Thiên		K15KTR3	9			8		7			4	5.8	Năm phẩy Tám		
118	152232922	Lê Bảo Lộc		K15KTR3	9			8		7			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
119	152232941	Nguyễn Công Hoàng		K15KTR3	8			8		5			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
120	152232949	Đỗ Thị Diễm Vy		K15KTR3	8			8		5			9	8.1	Tám phẩy Một		
121	152232956	Tổng Ngọc Dũng		K15KTR3	8			8		7			8.5	8.1	Tám phẩy Một		
122	152232959	Hồ Như Quỳnh		K15KTR3	8			8		5			9	8.1	Tám phẩy Một		
123	152232968	Phan Thị Thanh Trà		K15KTR3	9			8		6			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
124	152232972	Phùng Minh Sơn		K15KTR3	8			7		5			8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
125	152232975	Lê Thị Huệ		K15KTR3	7			8		7			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
126	152232993	Trần Thị Cẩm Nhung		K15KTR3	8			7		6			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
127	152233000	Trần Thanh Hải		K15KTR3	9			8		6			4	5.7	Năm phẩy Bảy		
128	152233020	Nguyễn Nam Khánh		K15KTR3	8			8		6			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
129	152233026	Phan Anh Huân		K15KTR3	8			7		6			9.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
130	152233040	Đinh Khánh Đồng		K15KTR3	8			7		6			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
131	152233042	Lê Thị Thuý Linh		K15KTR3	6			7		6			9	7.8	Bảy phẩy Tám		
132	152233058	Hoàng Trung Phong		K15KTR3	9			8		6			8.5	8.1	Tám phẩy Một		
133	152233062	Hồ Quốc Bảo		K15KTR3	9			8		6			9	8.4	Tám phẩy Bốn		
134	152233063	Nguyễn Thành Minh		K15KTR3	7			8		6			7	7.0	Bảy		
135	152235533	Hoàng Trọng Huy		K15KTR3	7			8		6			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
136	152235537	Phạm Văn Thành		K15KTR3	9			8		6			9	8.4	Tám phẩy Bốn		
137	152235837	Nguyễn Trung Hiếu		K15KTR3	8			8		6			9.5	8.5	Tám phẩy Năm		
138	152235937	Văn Công Tạo		K15KTR3	9			8		9			9.5	9.1	Chín phẩy Một		
139	152232027	Trần Thị Thanh Nhân		K15KTR4	9			8		6			9.5	8.7	Tám phẩy Bảy		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
140	152232803	Trương Duy	Tín	K15KTR4	8			8		9			9.5	9.0	Chín	
141	152232822	Vàng Anh	Quốc	K15KTR4	9			8		6			9.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
142	152232823	Trần Việt	Đạt	K15KTR4	8			8		9			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
143	152232827	Lê Ngọc Tường	Nhi	K15KTR4	9			8		6			9.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
144	152232836	Vô Thị Mỹ	Yên	K15KTR4	6			8		6			8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
145	152232837	Nguyễn Văn	Lộc	K15KTR4	9			7		6			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
146	152232838	Nguyễn Lê	Hân	K15KTR4	8			8		6			9	8.3	Tám phẩy Ba	
147	152232845	Nguyễn Văn	Duy	K15KTR4	6			8		6			7	6.9	Sáu phẩy Chín	
148	152232851	Trần Minh	Hoàng	K15KTR4	6			8		5			7.5	7.0	Bảy	
149	152232856	Nguyễn Văn	Thực	K15KTR4	9			7		5			8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
150	152232878	Lục Hiếu	Đình	K15KTR4	9			8		9			8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
151	152232879	Nguyễn Thế	Anh	K15KTR4	8			8		6			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
152	152232881	Trương Anh	Thức	K15KTR4	9			8		6			8	7.9	Bảy phẩy Chín	
153	152232895	Phan Thanh	Nam	K15KTR4	7			7		6			7	6.9	Sáu phẩy Chín	
154	152232897	Trương Thanh	Thảo	K15KTR4	8			8		6			8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
155	152232900	Nguyễn Hồng	Thái	K15KTR4	7			8		6			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
156	152232905	Hồ Duy	Nguyên	K15KTR4	7			8		6			7	7.0	Bảy	
157	152232909	Lê Thị Tường	Vi	K15KTR4	8			8		9			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
158	152232924	Phan Lê Thị Hồng	Sim	K15KTR4	8			8		6			9	8.3	Tám phẩy Ba	
159	152232931	Dương Minh	Vũ	K15KTR4	6			8		6			7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
160	152232932	Nguyễn Sơn	Tùng	K15KTR4	5			7		5			7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
161	152232938	Kiều Quốc	Quỳnh	K15KTR4	7			7		5			5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
162	152232943	Lê Quốc	Bảo	K15KTR4	9			8		7			9	8.6	Tám phẩy Sáu	
163	152232944	Nguyễn Tổng	Phương	K15KTR4	7			8		7			4	5.5	Năm phẩy Năm	
164	152232945	Đào Hải	Ninh	K15KTR4	9			8		5			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
165	152232948	Phạm Thị	Phương	K15KTR4	9			8		9			8	8.3	Tám phẩy Ba	
166	152232958	Phạm Khắc	Long	K15KTR4	8			8		9			9	8.7	Tám phẩy Bảy	
167	152232976	Bùi Thị Diễm	Mỹ	K15KTR4	8			8		6			9	8.3	Tám phẩy Ba	
168	152232979	Hoàng Đình	Hùng	K15KTR4	5			7		5			8.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
169	152232981	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR4	9			7		6			8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
170	152232988	Nguyễn Xuân	Cường	K15KTR4	6			7		5			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
171	152232991	Huỳnh Rô	Y	K15KTR4	8			8		5			8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
172	152232997	Nguyễn Văn	Mạnh	K15KTR4	7			8		5			7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
173	152232999	Bùi Tất	Thành	K15KTR4	9			8		9			9.5	9.1	Chín phẩy Một	
174	152233007	Phan Ngọc	Sang	K15KTR4	8			8		6			8	7.7	Bảy phẩy Bảy	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
175	152233011	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	K15KTR4	5			7		5			6	5.9	Năm phẩy Chín		
176	152233014	Trần Phúc	Toàn	K15KTR4	7			7		6			7	6.9	Sáu phẩy Chín		
177	152233024	Nguyễn Thành	Trung	K15KTR4	7			7		9			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
178	152233038	Nguyễn Đình	Huy	K15KTR4	9			7		8			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
179	152233044	Võ Ngọc	Anh	K15KTR4	9			8		7			9.5	8.8	Tám phẩy Tám		
180	152233045	Lê Xuân	Thắng	K15KTR4	8			8		6			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
181	152233050	Lê Tấn	Trúc	K15KTR4	9			8		6			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
182	152233051	Nguyễn Phan Thành	Đồng	K15KTR4	6			7		6			6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
183	152233059	Nguyễn Minh	Trí	K15KTR4	9			8		5			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
184	152233061	Trần Hoàng	Tiến	K15KTR4	8			8		5			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
185	152236458	Lê Minh	Tuấn	K15KTR4	8			8		6			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
186	132234841	Võ Văn	Hạnh	K15KTR5	2			2		4		V	0.0	Không			
187	142231407	Trần Duy	Linh	K15KTR5	6			6		8			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
188	142231413	Nguyễn Giang	Nam	K15KTR5	5			7.5		8			9	8.0	Tám		
189	142231423	Phạm Đình Tuấn	Phi	K15KTR5	10			6		7			9	8.4	Tám phẩy Bốn		
190	142231429	Vũ Trọng	Quý	K15KTR5	8			7		6			7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
191	142231447	Nguyễn Ngọc	Trí	K15KTR5	7			7.5		5			7	6.8	Sáu phẩy Tám		
192	142231459	Nguyễn Nho Thanh	Tùng	K15KTR5	7			5		6			6	6.0	Sáu		
193	142231469	Nguyễn Thế	Kiên	K15KTR5	6			8		8			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
194	142231470	Hồ Thị Thanh	Thảo	K15KTR5	9			7		6			8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
195	142234514	Trần Văn	Nhật	K15KTR5	8			7		6			5	5.9	Năm phẩy Chín		
196	142234547	Nguyễn Thị Vi	Ta	K15KTR5	6			5		5			5	5.2	Năm phẩy Hai		
197	142234647	Trần Duy	Tân	K15KTR5	8.5			6		7			5	6.0	Sáu		
198	151214611	Nguyễn Anh	Vũ	K15KTR5	8			7		6			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
199	152232021	Phan Hoàng	Hải	K15KTR5	6			5		7			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy		
200	152232022	Thái Anh	Quý	K15KTR5	9			6		7			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
201	152232024	Nguyễn Thị Đan	Na	K15KTR5	9			8		6			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
202	152232804	Lê Quốc	Việt	K15KTR5	9			7.5		6			5	6.1	Sáu phẩy Một		
203	152232815	Trương Đình Thành	Tín	K15KTR5	6			5		5			8	6.8	Sáu phẩy Tám		
204	152232829	Hồ Đức Nguyên	Long	K15KTR5	6			5		7			5	5.5	Năm phẩy Năm		
205	152232841	Trần	Thêm	K15KTR5	9.5			8		6			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
206	152232846	Nguyễn Việt	Anh	K15KTR5	9.5			7.5		9			7	7.8	Bảy phẩy Tám		
207	152232870	Hồ Thanh	Sơn	K15KTR5	7.5			6		7			5	5.8	Năm phẩy Tám		
208	152232883	Nguyễn Thị Kim	Phượng	K15KTR5	9			7		7			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
209	152232888	Trần Đức	Trung	K15KTR5	7.5			7		7			7	7.1	Bảy phẩy Một		

Thời gian : 15h30 - 10/11/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
210	152232892	Phạm Bá Trường	K15KTR5	8			5		5			7.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
211	152232920	Trần Quang Tú	K15KTR5	8			6		7			3	0.0	Không		
212	152232940	Trần Thị Kim Oanh	K15KTR5	9.5			7.5		7			8	8.0	Tám		
213	152232952	Đình Quang Văn	K15KTR5	9.5			7		6			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
214	152232964	Từ Thị Dung	K15KTR5	8			7.5		6			8.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
215	152232966	Châu Thanh Long	K15KTR5	10			8		9			5.5	7.1	Bảy phẩy Một		
216	152232978	Phan Đình Phong	K15KTR5	7			7		9			6.5	7.0	Bảy		
217	152232982	Nguyễn Minh Tuấn	K15KTR5	6			7		5			5	5.5	Năm phẩy Năm		
218	152232985	Võ Thanh Cầm	K15KTR5	7			8		6			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
219	152233029	Ngô Hữu Vũ Duy	K15KTR5	10			7.5		9			7	7.8	Bảy phẩy Tám		
220	152233034	Nguyễn Thanh Pháp	K15KTR5	9			7		8			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
221	152233037	Trần Công Hậu	K15KTR5	7			7		6			8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
222	152233039	Thân Trọng Huỳnh	K15KTR5	10			7.5		9			9.5	9.2	Chín phẩy Hai		
223	152233048	Văn Hữu Khanh	K15KTR5	7			5		6			8	7.1	Bảy phẩy Một		
224	152233056	Đặng Văn Thuận	K15KTR5	5			5		6			4.5	4.9	Bốn phẩy Chín		
225	152233066	Trần Duy Phúc	K15KTR5	7.5			7.5		6			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
226	152236462	Nguyễn Quốc	K15KTR5	5			6		6			V	0.0	Không		
1	0538	Phùng Tuấn An	K14KTR	6			6		5			8.5	7.2	Bảy phẩy Hai	35097	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	211	93%	
2	Số sinh viên nợ	16	7%	
TỔNG CỘNG :		227	100%	

Đà Nẵng, 02/12/2013

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Võ Quốc Toàn

Trần Thị Lan Anh

Lê Thị Thu Hà

Ths. Nguyễn Ân